

SỞ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
BỆNH VIỆN ĐKKV BỒNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Công văn số /BV-KHTH-QLCL ngày /6/ 2025 của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn)

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, quy cách kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Giấy gói thuốc bắc	Định lượng giấy 70g/m ² ; KT (40 x 40) cm, in 1 mặt, chữ đỏ	Tờ	50.000
2	Giấy khám sức khỏe dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên	Định lượng giấy 70g/m ² ; A3 gấp đôi, in 4 mặt	Tờ	10.000
3	Giấy khám sức khỏe dùng cho người dưới 18 tuổi	Định lượng giấy 70g/m ² ; A3 gấp đôi, in 4 mặt	Tờ	500
4	Giấy khám sức khỏe của người lái xe	Định lượng giấy 70g/m ² ; A3 gấp đôi, in 4 mặt	Tờ	5.000
5	Giấy khám sức khỏe định kỳ	Định lượng giấy 70g/m ² ; A3 gấp đôi, in 4 mặt	Tờ	6.000
6	Biên bản nhận lại thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 1 mặt	Tờ	300
7	Biên bản trả vỏ thuốc gây nghiện đã sử dụng	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 1 mặt	Tờ	800

8	Cam kết về việc sử dụng thuốc gây nghiện của người bệnh/ người đại diện của người bệnh	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 1 mặt	Tờ	400
9	Nhân khứ khuẩn	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 1 mặt	Tờ	1.000
10	Nhân tiết khuẩn	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 1 mặt	Tờ	1.000
11	Phiếu siêu âm (màu)	Định lượng giấy 100g/m ² ; A4 ngang, in 1 mặt, giấy dày	Tờ	6.000
12	Thẻ kho	Định lượng giấy 70 g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	2.000
13	Tiến trình xét nghiệm định nhóm máu	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	800
14	Tiến trình xét nghiệm truyền máu	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	500
15	Tiến trình xét nghiệm miễn dịch	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	800
16	Tiến trình xét nghiệm máy miễn dịch	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	1.500
17	Tiến trình xét nghiệm sinh hóa nước tiểu	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	1.000
18	Tiến trình xét nghiệm sinh hóa HbA1C	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	500
19	Tiến trình xét nghiệm sinh hóa Điện giải đồ	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	800

20	Tiến trình xét nghiệm sinh hóa, dịch	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	1.500
21	Tiến trình xét nghiệm vi sinh	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	1.000
22	Tiến trình xét nghiệm nhuộm soi	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	500
23	Sơ đồ xét nghiệm cho kỹ thuật xét nghiệm HIV nhanh	Định lượng giấy 70g/m ² ; A4 dọc, in 2 mặt	Tờ	500
24	Sổ sao chép và thực hiện y lệnh	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 50 tờ A3 gấp đôi (trừ bìa), ngang, in 2 mặt, ghim đinh ở giữa	Quyển	40
25	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 50 tờ A3 gấp đôi (trừ bìa), dọc, in 2 mặt, ghim đinh ở giữa	Quyển	50
26	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 50 tờ A3 gấp đôi (trừ bìa), dọc, in 2 mặt, ghim đinh ở giữa	Quyển	50
27	Sổ giao và nhận bệnh phẩm (Ngoại trú)	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 50 tờ A3 gấp đôi (trừ bìa), dọc, 2 mặt, ghim đinh ở giữa	Quyển	30
28	Sổ giao và nhận bệnh phẩm (Nội trú)	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 50 tờ A3 gấp đôi (trừ bìa), dọc, in 2 mặt, ghim đinh ở giữa	Quyển	30
29	Sổ Biên bản hội chẩn	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 50 tờ A3 gấp đôi (trừ bìa), dọc, in 2 mặt, ghim đinh ở giữa	Quyển	150

30	Thẻ kho	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 100 tờ A3 (trừ bìa), ngang, in 2 mặt	Quyển	20
31	Sổ theo dõi xuất, nhập, tồn kho thuốc gây nghiện	Định lượng giấy 70g/m ² ; 100 tờ khổ A3 ngang (trừ bìa), in 2 mặt.	Quyển	5
32	Sổ theo dõi xuất, nhập, tồn kho thuốc hướng thần, thuốc tiền chất	Định lượng giấy 70g/m ² ; 100 tờ khổ A3 ngang (trừ bìa), in 2 mặt.	Quyển	5
33	Sổ dự trữ và cung cấp máu cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 100 tờ A4 (trừ bìa), ngang, dập răng cưa ở giữa, in 1 mặt	Quyển	20
34	Sổ bàn giao người bệnh chuyển viện	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 50 tờ A4 gấp đôi (trừ bìa), dọc, in 2 mặt, ghim đính ở giữa	Quyển	10
35	Sổ bàn giao người bệnh chuyển khoa	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 50 tờ A4 gấp đôi (trừ bìa), dọc, in 2 mặt, ghim đính ở giữa	Quyển	20
36	Đơn thuốc	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 100 tờ A5 (trừ bìa), dọc, dập răng cưa giữ cùi, in 1 mặt	Quyển	500
37	Lệnh điều xe	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 100 tờ A4 (trừ bìa), ngang, dập răng cưa ở giữa, in 2 mặt	Quyển	10
38	Bì X-Quang trung	Định lượng giấy 90g/m ² ; KT (22 x 31) cm, có nắp, chữ xanh	Bì	60.000
39	Bì MRI	Định lượng giấy 90g/m ² ; (KT 48 x 36) cm, có nắp, chữ xanh	Bì	2.000

40	Bì CT-Scanner	Định lượng giấy 90g/m ² ; (KT 49 x 37) cm, có nắp, chữ xanh	Bì	12.000
41	Giấy đi đường	Định lượng giấy 70g/m ² , A4 dọc, in 1 mặt	Tờ	4.000
42	Bảng chấm công	Định lượng giấy 70g/m ² , A3 ngang, in 1 mặt	Tờ	700
43	Bì thư Bệnh viện	Định lượng giấy 70g/m ² , Bì A5 khổ ngang	Bì	1.000
44	Giấy đề nghị cấp vật tư	Định lượng giấy 70g/m ² , A4 dọc, in 1 mặt	Tờ	1.000
45	Sổ phép	Định lượng giấy 70g/m ² , có bìa cứng; 100 tờ A5, khổ ngang, 1 mặt, dập răng cưa giữ cùi	Quyển	10